

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2024
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thuỳ Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2024/TLST-HN ngày 14/05/2024 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXX – ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2024/QĐST – DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Bé D – sinh năm: 1997;

Địa chỉ: ấp HP, xã HT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Nguyễn Lê Hồng T - sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp HP, xã HT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị D có đơn xin vắng mặt;

Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé D trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh T cưới nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Chúng tôi đã ly

thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Nay tôi không còn tình cảm với anh T nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn T H – sinh ngày 17/10/2016 và Nguyễn T A – sinh ngày 09/5/2019. Hiện cháu A đang sống chung tôi, cháu H đang sống với anh T. Hiện tại tôi làm công nhân, lương ổn định, 8.000.000 đồng/01 tháng nên đủ khả năng nuôi con. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu A và tôi đồng ý để anh T nuôi cháu H. Cả hai không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Lê Hồng T mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến cho Toà án.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Về hôn nhân: chị D được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn T H – sinh ngày 17/10/2016 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn T A – sinh ngày 09/5/2019 cho chị D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: cả hai không ai cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu. Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do anh T cư trú tại: ấp HP, xã HT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T. Còn chị D có đơn xin vắng mặt nên Toà án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy: chị D trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Riêng anh T mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý

do, không có ý kiến gửi cho Toà, từ đó cho thấy anh T không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng giữa anh chị. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn T H – sinh ngày 17/10/2016 và Nguyễn T A – sinh ngày 09/5/2019, chị D trình bày, hiện nay cháu A đang sống chung với chị D, cháu H đang sống chung với anh T. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu A hiện nay còn nhỏ, đang sống chung với chị D còn cháu H đang sống chung với anh T và cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với anh T nên để đảm bảo cháu A và cháu H phát triển toàn diện về mặt vật chất lẫn tinh thần cũng như đúng với nguyện vọng cháu H nên cần tiếp tục giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu A cho chị D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu A. Riêng anh T không có đến Toà và cũng không có ý kiến gửi cho Toà về việc có yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị D là người nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, do đó, chị D sẽ chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé D. Chị Nguyễn Thị Bé D được ly hôn với anh Nguyễn Lê Hồng T.

2. Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn T H – sinh ngày 17/10/2016 và Nguyễn T A – sinh ngày 09/5/2019.

Giao cháu Nguyễn T H – sinh ngày 17/10/2016 cho anh Nguyễn Lê Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng;

Giao cháu Nguyễn T A – sinh ngày 09/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Bé D tiếp tục nuôi dưỡng;

Cả hai không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0007523 ngày 06/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị D đã thực hiện xong.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã HT, CG, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA